

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-8-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Vũ.

Bà Đinh Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 313/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện tại: Ấp D, xã E, huyện M, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Phúc M, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phúc M tự nguyện kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/01/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau; anh M không quan tâm chăm lo cho gia đình. Từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, chị đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Trà Vinh sinh sống. Từ thời gian đó cho đến nay, chị và anh M đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Chị không yêu cầu anh M xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/8/2021 hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi cháu N và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Phúc M trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn nhưng anh vẫn quan tâm và lo cho gia đình chứ không như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, chị H vẫn thường về nhà mẹ ruột ở Trà Vinh để sinh sống. Tuy nhiên khoảng gần 3 tháng nay chị H đã bỏ đi không có về nhà anh để sinh sống. Từ đó thời gian đó cho đến nay, anh và chị H đã sống ly thân. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và con. Anh muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung nên anh cũng không có phương án nào để hàn gắn tình cảm. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh không yêu cầu chị H xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn. Do bận công việc làm ăn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/8/2021 hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con chung nhưng anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ phụ chị H nuôi con hàng tháng theo khả năng thu nhập thực tế của mình. Hiện tại, anh làm nghề lái xà lan, thu nhập thực tế trung bình hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng. Do anh làm nghề lao động tự do nên anh không thể cung cấp xác nhận mức thu nhập hàng tháng cho Tòa án.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và đương sự đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M kéo dài từ năm 2022 cho đến nay, hiện tại chị H và anh M đã ly thân. Anh M muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hiện tại do vợ chồng đã sống ly thân nên anh M không có phương án nào để hàn gắn tình cảm. Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng xác định được chị H và anh M đã ly thân được một thời gian. Do đó nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/8/2021, chị H yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị H và anh M ly thân thì chị H là người trực tiếp nuôi con chung; đồng thời con chung của chị H và anh M hiện dưới 36 tháng tuổi nên để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị H mức cấp dưỡng phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với thu nhập thực tế của anh Minh.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh M khai không có nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phúc M là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Phúc M có nơi cư trú tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phúc M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/01/2021 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cả hai có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh M lại không quan tâm đến gia đình. Từ tháng 3 năm 2022 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H yêu cầu được ly hôn, anh M không đồng ý ly hôn nhưng anh không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại

biên bản xác minh của Tòa án cũng xác định được hiện tại chị H và anh M đã sống ly thân. Từ đó có cơ sở để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phúc M không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/8/2021 (có đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ngày 02/6/2022). Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh M cũng đồng ý để chị H nuôi con. Xét thấy, từ khi cháu N sinh ra cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con chung. Anh M không có yêu cầu gì về con, cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con, Hội đồng xét xử giao cho chị H được trực tiếp nuôi cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải chị H đề nghị anh M cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng. Anh M không đồng ý theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H. Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Chị H và anh M không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh M làm nghề lao động tự do (lái xe ôm) thu nhập thực tế trung bình hàng tháng của anh M giao động khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Với mức thu nhập hiện tại của anh M thì yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là hơi cao so với thu nhập thực tế hàng tháng của anh M. Tuy nhiên, hiện tại con chung của chị H và anh M đang còn nhỏ, chị H lại không có nghề nghiệp ổn định để lo cho con nên để đảm bảo cho con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con nên Hội đồng xét xử xem xét cần buộc anh M cấp dưỡng nuôi con cho chị H với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ khi xét xử sơ thẩm tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[3.2] Sau khi ly hôn anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M khai tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Phúc M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 115, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với và anh Nguyễn Phúc M. Ghi nhận chị H và anh M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 23/8/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Phúc M cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Phúc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M khai tài sản chung và nợ chung không có nên Tòa án không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003825 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Hồng đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Phúc M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Anh Nguyễn Phúc M còn phải nộp án phí.

5. Chị Nguyễn Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Phúc M vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Ngọc Trâm

